

ĐẶC TRƯNG VĂN HÓA CỦA ĐỊA DANH CHỈ ĐỊA HÌNH TỰ NHIÊN TỈNH QUẢNG BÌNH

TS. NGUYỄN ĐÌNH HÙNG

Trường Đại học Quảng Bình

1. Đặt vấn đề

Địa danh là một bộ phận đặc biệt của hệ thống từ vựng được dùng để đặt tên cho các đối tượng địa lý có vị trí xác định trên bề mặt trái đất. Địa danh tuy là một hiện tượng của ngôn ngữ học, nhưng nó chính lại là hình thức thể hiện văn hóa của một cộng đồng cư dân đã từng hiện diện trong vùng lãnh thổ có các địa danh [3, tr.12]. Địa danh được sinh ra, phát triển cùng văn hóa, và cũng là một hiện tượng văn hóa bởi vì ngôn ngữ là sản phẩm/thành phần văn hóa. Ra đời trong những điều kiện lịch sử, địa lý nhất định nên phần lớn địa danh mang dấu ấn của môi trường, thời đại mà nó chào đời [5, tr.166], phản ánh nhiều mặt của xã hội, biểu hiện những đặc điểm văn hóa, ngôn ngữ của chủ thể. Vì vậy, địa danh chính là những tấm bia bằng ngôn ngữ độc đáo về thời đại của mình [7, tr. 108].

Đặc trưng văn hóa của địa danh chỉ địa hình tự nhiên ở Quảng Bình trong bài viết này được chúng tôi trình bày từ cách tiếp cận liên ngành ngôn ngữ - văn hóa về một vùng địa lý có sự giao thoa, tiếp biến, phân chia, hội tụ từ nhiều nền văn hóa của các lớp cư dân sinh sống trên địa bàn. Trong quá trình hành chức và biến đổi, địa danh không chỉ chịu tác động bởi các yếu tố ngôn ngữ mà còn cả các yếu tố ngoài ngôn ngữ. Xét về mặt ngôn ngữ học, người ta thấy rõ rằng, mỗi một vùng địa danh và đôi khi là một địa danh thường mang tính khác biệt về mặt từ nguyên của nó [3, tr. 11]. Sự khác biệt ấy là kết quả của một quá trình biến đổi lịch sử

trong một vùng địa lý cụ thể và kết quả của sự biến đổi ấy được lưu lại cho đến ngày nay, làm cho địa danh trở thành những “trầm tích sống”, ký thác nhiều thông tin quý giá về ngôn ngữ, dân tộc, văn hóa và lịch sử.

2. Nội dung

2.1. Đặc trưng của thành tố chung trong phức thể địa danh

Thành tố chung của địa danh thường phản ánh một đặc trưng địa lý ở một vùng lãnh thổ nhất định. Với 77 thành tố chung được thống kê và phân chia theo các loại địa hình tự nhiên ở Quảng Bình, chúng ta có được bức tranh địa danh sinh động, phản ánh đặc trưng địa hình địa vật của không gian văn hóa nơi đây, có sự phong phú về các đối tượng địa lý gồm: núi, sông, ruộng đồng, gò, bãi... Trong đó, nổi bật nhất là sự phân bố các đối tượng địa lý sông, núi. Đặc trưng này được thể hiện ở các phương diện sau:

2.1.1. Đặc trưng địa - văn hóa qua các thành tố chung về sông nước

Sông ngòi ở Quảng Bình phần lớn là sông nhỏ, hẹp, độ dốc cao, phân bố dày đặc, chủ yếu theo hướng từ tây sang đông, phân cắt địa hình tự nhiên Quảng Bình ra các khu vực, các “mảng” nhỏ, tạo nên sự khác biệt về điều kiện tự nhiên ở Quảng Bình so với các khu vực khác ở nhiều mặt: đặc điểm địa hình, thổ nhưỡng, văn hóa và kinh tế chính trị.

- Về địa hình, sông nước ở Quảng Bình đã tạo nên những thuận lợi về giao thông, trao đổi hàng hóa theo đường thủy, là mạch máu giao

thông nối liền miền núi và đồng bằng, nông thôn và đô thị, nhưng cũng gây những khó khăn về giao thương với bên ngoài, thậm chí có khi bị “cô lập”, tạo thành những “ốc đảo” trên địa bàn Quảng Bình. Chẳng hạn như một số khu vực ở huyện Quảng Trạch (các xã vùng nam), Tuyên Hóa (vùng Văn Hóa, Châu Hóa), một số xã vùng núi ở các huyện Minh Hóa, Quảng Ninh, Lệ Thủy.

- Về đặc điểm thổ nhưỡng, do tính chất ngắn, hẹp, dốc, tốc độ dòng chảy cao, sông ngòi ở Quảng Bình đã rửa trôi phù sa, nên phần lớn đất đai bạc màu, không thuận lợi cho canh tác nông nghiệp.

Chính yếu tố nước đã tạo ra sắc thái riêng biệt trong tập quán canh tác, cư trú, tâm lý ứng xử cũng như sinh hoạt cộng đồng của cư dân Quảng Bình. Có thể nói dấu vết của môi trường sông nước đã in đậm trong tư duy và tâm lý của con người nơi đây. Những giá trị văn hóa tinh thần và ngay một số sở trường của con người Quảng Bình cũng được hình thành từ môi trường sông nước [6, 21]. Quảng Bình ngày nay vẫn còn có nhiều tín ngưỡng lễ nghi liên quan đến sông nước như: lễ cầu đảo, điện âm hồn, hò đưa linh, hò khoan, múa bông chèo cạn, lễ hội đua thuyền...

2.1.2. Đặc trưng địa - văn hóa qua các thành tố chung về đồi, núi

Thông thường núi rừng chỉ tập trung ở một khu vực (chủ yếu về phía tây) như ở Nghệ An, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế. Địa hình Quảng Bình không có sự phân chia rõ ràng như thế. Núi rừng hầu như phân bố khắp trên địa bàn: núi ở phía tây (dãy Trường Sơn); núi ở phía bắc đâm ngang ra biển (dãy Hoành Sơn); các dải đồi cát ven biển phía đông Đại Trường Sa, Tiểu Trường Sa (dân địa phương thường hay gọi là độông cát/đụn cát); núi ở giữa đâm ngang ra biển (hệ thống núi lẻ ở đồng bằng như dãy Lê Đệ, Lý Hòa,...); hệ thống lèn đá vôi và hang

động chằng chịt ở Bồ Trạch, Tuyên Hóa, Minh Hóa. Với Hoành Sơn, Lê Đệ - Lý Hòa và hệ thống lèn đá vôi - hang động có thể xem là một hiện tượng đặc biệt trong cấu trúc địa hình ở Quảng Bình.

Hệ thống núi đồi như vậy đã làm cho địa hình Quảng Bình khá đa dạng, bốn bề hiểm trở, giao thương khó khăn, làm cho phía tây Quảng Bình có phần biệt lập với bên ngoài trong một thời gian dài. Đây là nguyên nhân khiến cho Quảng Bình biến đổi chậm hơn so với các vùng khác trong nước. Về mặt văn hóa, do tính chất đặc biệt của địa hình nên Quảng Bình trở thành địa bàn bảo lưu rất tốt nét văn hóa “gốc”, văn hóa bản địa. Trên bình diện ngôn ngữ, Quảng Bình là khu vực còn lưu lại nhiều yếu tố của tiếng Việt cổ, quá trình Hán hóa ngôn ngữ ở đây không sâu sắc như một số địa phương khác.

Ở một góc nhìn khác, tính chất địa hình đặc biệt làm cho Quảng Bình trở thành khu vực có cảnh quan tự nhiên “thi vị”, “son thủy hữu tình”. Động Phong Nha, đèo Ngang, sông Loan - núi Phụng, non Mâu - bể Hạc... là nguồn cảm hứng cho tao nhân mặc khách, tạo nên “nếp đất văn chương”, khí thiêng “địa linh nhân kiệt”. Hơn 400 năm trước, Dương Văn An đã từng khẳng định: “Địa phương ta, mặt đất thì non sông tốt đẹp, biển cả thì sóng nước mênh mông, sông Bình Giang trong trẻo, sông Linh Giang bao la, núi Hoành Sơn hùng vĩ, núi Cẩm Lý linh kỳ, núi Đầu Mâu vượng khí. Thật là nơi kỳ dị của đất trời. Địa linh như thế chẳng lẽ nào không chung đúc ra những người tuấn kiệt, kết tinh những bậc tài học được ư!” [1, 112].

2.2. Đặc trưng của tên riêng địa danh trong phức thể địa danh

2.2.1. Phản ánh đặc điểm địa hình tự nhiên

Trong quá trình khảo sát, chúng tôi tìm thấy được 2.742 địa danh chỉ địa hình tự nhiên ở

Quảng Bình. Chúng tôi chia loại này thành hai tiểu loại: loại chỉ địa hình cao, lồi trên mặt đất và loại chỉ địa hình thấp, lõm dưới mặt đất. Loại chỉ địa hình cao bao gồm các địa danh có các thành tố chung như: núi, đồi, đèo, dốc, cồn, bãi, đồng, lùm, lồi... Loại chỉ địa hình thấp bao gồm các thành tố chung như: sông, hồ, kênh, rào, hói, nương, đầm, phá, bầu, ao... Từ những địa danh này chúng ta biết thêm những thông tin thú vị về đặc điểm địa thế, hình dáng, vị trí địa lý tự nhiên riêng của vùng đất Quảng Bình.

Về địa thế, Quảng Bình có địa thế hiểm trở, cách núi cách sông, đèo cao, sông sâu, khe suối chằng chịt, đồng bằng hẹp, bờ biển dài với các bãi ngang, bãi dọc, cồn cát. Đặc điểm tự nhiên này được phản ánh vào trong mỗi địa danh với những nét chấm phá khá chân thực. Địa thế vùng cao với địa hình có hình dáng phong phú, ví dụ: núi Mòng Gà (núi có hình dáng mòng con gà trống), núi Đầu Voi (có hình dáng đầu con voi), núi U Bò (hình khối u lưng bò), núi Yên Ngựa (hình cái yên ngựa), núi Răng Lược (theo cách gọi hình dáng dãy núi Trường Sơn của người dân tộc thiểu số), lèn Bàng (giống bâng viết của học trò); có kích thước, cấu trúc đa dạng, ví dụ: eo Trâu Chết (eo trâu đi qua không lọt), đồng Kiều (đồng trên cao), dốc Ba Dốc (ba cái dốc kế tiếp nhau), dãy Hoàn Sơn (núi nằm ngang)...; có địa hình kiến tạo rất cụ thể và chi tiết, ví dụ: dăng Đá Chát (dăng toàn đá tai mèo trên núi), núi Đá Đen (núi có nhiều đá đen)... Đặc điểm này phản ánh tính đa dạng về địa hình địa thế của vùng đất Quảng Bình. Theo cứ liệu khảo sát, chúng tôi thấy các địa danh thuần Việt và Hán Việt ở Quảng Bình nghiêng về phản ánh môi trường sông nước: sông, biển, ao, hồ, khe, suối, đầm, phá. Chẳng hạn, nhiều tên thôn làng mang các yếu tố khe, bầu, hói, rào: Khe Gát, Ngọn Rào, Bầu Bàng, Rào Đá, Rào Trù, Sông Chứa; đặc biệt nhiều địa danh mang yếu tố “hải”, “thủy”, “hà”,

“giang” như: Lệ Thủy, Phong Giang, Thượng Giang, Xuân Giang, Lục Giang, Long Thủy, Đại Thủy, Hà Dương, Hà Thôn, Hà Trung, Hà Thiệp, Hải Đông,...

Về vị trí và phương hướng, các địa danh ở Quảng Bình phác họa bức tranh địa hình tự nhiên và định vị không gian cư trú của cư dân trên chính địa hình đó. Chẳng hạn, núi Đèo Ngoài, núi Đèo Trong (núi nằm ở trong và ngoài đèo), khe Giữa (khe định vị nằm ở giữa), thôn Ngọn Rào (thôn nằm ở đầu nguồn nước),...

Về màu sắc của môi trường tự nhiên, địa danh cũng phản ánh những nét đặc sắc riêng trong không gian văn hoá Quảng Bình, sự tri nhận trực tiếp về màu sắc của cư dân bản địa. Qua một vài cách định danh, chúng ta cũng biết được phần nào về đặc điểm tự nhiên của vùng đất mà mình cư trú. Chẳng hạn, núi Lèn Bạc (trắng), sông Sơn (nước màu đỏ phù sa), khe Ry (khe xanh)... Sự phản ánh hiện thực màu sắc của địa hình cư trú có phần phong phú, trang trọng hơn nhờ vào các tên gọi Hán Việt. Ví dụ: Thanh Hà (sông trong xanh), Thanh Thủy (nước trong xanh), Thanh Khê (khe xanh), Bạch Thạch (đá trắng), Hoàng Sa (cát vàng), Lục Giang (sông xanh), Hoàng Giang (sông vàng)...

2.2.2. Phản ánh tên các loài thực vật có trên địa bàn cư trú

Lối định danh có sử dụng các từ ngữ chỉ tên gọi thực vật chiếm số lượng lớn. Đó có thể là loại cây lấy gỗ, ví dụ: núi Thù Lù, Trâm Kỳ, Trâm Bầu, Mù U; rừng Bách Xanh; rào Lò Ô, thác Tre, vực Lim, bản Cây Trai...; có thể là cây lấy củ, quả, ví dụ: lòi Sắn, rào Sen, nương Cau...; có thể là cây rau, ví dụ: bản Cây Cà, hồ Muống...; có thể là cây rừng, ví dụ: đồi Cây Xanh, bầu Mưng, cồn Mắm, suối Mơ, bản Bạch Đàn, lòi Bứa, lèn Trúc, động Nứa, đồng Trâm...; hoặc là những loài cây gắn với đời

sống sinh hoạt, sản xuất của người dân, ví dụ: rào Mây, Lò Ô, Nan, nương Chuối, nương Dưa, dinh Dừa, đồng Cồn Dầu ... và cũng có thể là những loài cây không mang lại lợi ích gì cho con người, ví dụ: vụng Nổ (vũng xưa kia có nhiều cây nổ), cồn Vang (cồn mọc nhiều cây vang), đồng Cây Nao, đồng cây Ruối, đồng Cây Sanh, hồ Cỏ Đắng...

Có rất nhiều loại cây đi vào địa danh bằng ngôn ngữ bản địa, được cộng đồng tri nhận bằng chính ngôn ngữ bản địa, mang sắc thái tiếng địa phương Quảng Bình: cây Nổ, cây Sặt, cây Búa, cây Roi, cây Mắm, cây Vang, cây Mung, cỏ Đắng, cây Trâm Bầu, cây Mạ Ca (có nhiều ở vùng Quảng Bình),... Có thể nhận thấy, những địa danh gọi theo tên các loài thực vật đều xuất phát từ những cây cối phổ biến, gần gũi, có trong khu vực được định danh, hoặc có liên quan đến các loài thực vật đó. Thế giới thực vật ấy đã tạo nên một bức tranh sinh thái vừa gần gũi với cư dân địa phương, vừa mang những nét văn hóa đặc trưng của từng vùng miền.

2.2.3. *Phản ánh tên các loài động vật có trên địa bàn cư trú*

Quảng Bình có những địa danh phản ánh tên các loài động vật như: đồi Ông Khái (khái là hồ), lò Hồ, bầu Ròng (đặt tên theo linh vật, phong thủy), cồn Kéc (tiếng địa phương chỉ con chim két), cồn Mã (từ Hán Việt), cồn Trai, đóc Con Cây, đảo Chim, đảo Yến, cồn Đĩa, đồng Chó Câu, đồng Le Le, hang Dơi, hang Én, sông Loan, núi Phượng, lò Tinh, khe Bò Niệm, eo Trâu Chẹt, núi Voi (Tượng Sơn), núi Mồng Gà (Kê Quan)...

Chủ thể định danh đối tượng bằng các từ ngữ chỉ động vật có khuynh hướng liên tưởng tới các loài động vật thân quen, gần gũi, gần bó hằng ngày trong đời sống sinh hoạt bao gồm: linh vật, thú dữ, vật nuôi, chim cò thiên nhiên và cả con vật trừu tượng hóa (loan-phượng trong sông Loan, núi Phụng) với sự thể hiện

bằng từ ngữ Hán Việt, thuần Việt và cả từ địa phương. Đây là cách đặt tên bằng cảm nhận trực tiếp, đậm đà màu sắc dân gian và gắn với thực tiễn lao động sản xuất của cư dân bản địa.

Điều đáng chú ý là chúng tôi không tìm thấy tên động vật sống dưới nước được phản ánh qua địa danh, mặc dù thủy sản ở Quảng Bình rất phong phú, địa hình sông nước ở địa phương lại đa dạng. Có thể các loài động vật sống dưới nước không nhìn thấy trực tiếp được nên ít đi vào địa danh. Cũng có thể địa bàn Quảng Bình chưa tìm thấy một nơi cụ thể nào gắn với một loại thủy sản tự nhiên điển hình duy nhất, đủ tính “có lý do” để đặt tên cho đối tượng địa lí đó. Điều này có phần khác với một vài địa phương khác. Chẳng hạn như ở Huế có địa danh cồn Hến (cồn có rất nhiều con hến), ở Nam Bộ có địa danh Cần Thơ (có nghĩa là cá sặc rần trong tiếng Khmer).

2.2.4. *Phản ánh đặc trưng văn hóa sản xuất*

Quảng Bình có một hệ thống sông suối, ao hồ, đầm phá dày đặc. Vì vậy nghề nghiệp chính của cư dân ở đây là sản xuất nông nghiệp, thừa hưởng nền văn minh lúa nước của Bắc Hà, phản ánh đặc trưng chung của văn hóa Đông Nam Á. Nền văn hóa mà theo GS Phạm Đức Dương: “Đó là phức thể văn hóa của các cư dân thuộc nền văn minh nông nghiệp lúa nước với ba yếu tố: văn hóa núi, văn hóa đồng bằng và văn hóa biển. Trong đó, yếu tố đồng bằng tuy có sau, nhưng lại đóng vai trò chủ đạo” [4, 23].

Các địa danh phản ánh nghề trồng lúa ở Quảng Bình là rất nhiều. Trong gần 7.000 địa danh thu thập được có: 360 địa danh đồng, 83 địa danh rợong, 286 địa danh xứ (vùng đất xưa dùng để sinh sống và canh tác của các dòng họ). Số lượng địa danh liên quan đến nước tưới tiêu ruộng đồng cũng khá nhiều, với: 72 hồ, 90 bầu, 76 hói, và hơn 300 khe, mương, kênh. Địa danh còn lưu lại dấu hiệu các loại cây trồng

trong sản xuất nông nghiệp như: còn Dưa, còn Dâu, hung Mít, bản Cây Cà, bản Chuối, hồ Muồng,...

2.2.5. Phản ánh sự biến âm của tiếng địa phương Quảng Bình so với tiếng Việt phổ thông

Trong địa danh tỉnh Quảng Bình, hiện tượng biến âm các phụ âm đầu của âm tiết là rất phổ biến, có tính hệ thống theo sự tương ứng được phân bố với sự xuất hiện của các âm. Chẳng hạn như: Âm /b-/ trong tiếng phổ thông (TPT) tương ứng âm /m-/ trong tiếng Quảng Bình. Đây là hiện tượng biến âm theo thể tương ứng của hai phụ âm môi /m/ - /b/ trong ngôn ngữ Việt - Mường, được bảo lưu trong địa danh tỉnh Quảng Bình. Ví dụ các địa danh: còn Mùa Cua (còn có cây mận quân/bò quân mọc, ở Quảng Trạch có vùng gọi mận quân theo tiếng Nghệ Tĩnh). Từ bò quân trong TPT tương ứng bò cun - mùn cun và mùa cua trong tiếng Quảng Bình. Âm /v-/ trong TPT tương ứng /b-/ theo kiểu bun - vun, bai - vai, bien - viên. Ví dụ: đồng Biên là đồng ở ngoài viên làng, dốc Vọt phát âm là dốc Bọt. Âm /ʃ-/ trong TPT tương ứng /t'/ hoặc /t̚-/. Ví dụ: rọng Đất Théc (rụng đất sét), còn Trèng là còn đất còn dấu tích nhiều mảnh sành, sứ gần làng Cây Độc...

Âm /z-/ trong TPT tương ứng âm [d̚./nd̚./nd̚.] ở vùng thổ ngữ Quảng Thủy và Đại

Trạch. Ví dụ: trong địa danh rọng Dưa, yếu tố dưa được phát âm thành [d̚uʔ]; đồng Cánh Diều, yếu tố Diều được phát âm [d̚ew]. Đây là một hiện tượng lý thú trong ngữ âm học lịch sử. Có thể quá trình biến đổi từ các phụ âm tắc > xát ở một số thổ ngữ vùng Bắc Trung Bộ chưa hoàn thành nên trong hệ thống âm đầu còn có phụ âm [d̚./nd̚./nd̚.] tồn tại song song với phụ âm [d] tương ứng với /z-/ của TPT.

3. Kết luận

Địa danh không chỉ là một hiện tượng ngôn ngữ mà còn là một hiện tượng văn hóa, một phạm trù lịch sử. Nghiên cứu các phương diện văn hóa, lịch sử phản ánh qua địa danh Quảng Bình, chúng ta có thể biết được đặc điểm địa lý tự nhiên, lịch sử hình thành và phát triển của vùng đất chứa địa danh, ghi dấu những sự kiện quan trọng đã xảy ra trên địa bàn, những thay đổi về dân cư và địa giới của vùng đất từng là “phên dậu”, “chiến địa” trong lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước của dân tộc.

Việc nghiên cứu đặc trưng ngôn ngữ - văn hóa của địa danh chỉ địa hình tự nhiên Quảng Bình đã góp phần đào sâu những tầng văn hoá ẩn chứa đằng sau các địa danh, đưa đến cho chúng ta những thông tin bổ ích, lý thú về vùng đất Quảng Bình, về không gian văn hóa địa phương, phản ánh những đặc điểm sinh động về văn hóa, địa lý và lịch sử của một vùng đất “địa linh nhân kiệt” ■

Tài liệu tham khảo:

1. Dương Văn An (1961), *Ô châu cận lục*, Văn hóa châu Á Sài Gòn.
2. Cục Thống kê Quảng Bình (2003), *Niên giám thống kê Quảng Bình 2002*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
3. Trần Trí Dõi (2001), *Ngôn ngữ và sự phát triển văn hóa xã hội*, Nxb Văn hóa Thông tin Hà Nội.
4. Phạm Đức Dương (2000), *Văn hóa Việt Nam trong bối cảnh Đông Nam Á*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
5. Lê Trung Hoa (1991), *Địa danh ở thành phố Hồ Chí Minh*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
6. Nguyễn Thế Hoàn (2001), *Giá trị tinh thần truyền thống con người Quảng Bình*, Nxb Thuận Hóa, Huế.
7. Superanskaja, A.V (2002), *Địa danh học là gì?* Đinh Lan Hương dịch, Nguyễn Xuân Hòa hiệu đính, Hà Nội.